

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 21-12-2021  
V/v tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Duy Thạch

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Đắc Từ

Ông Vũ Văn Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc: “Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Q; ĐKTT: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình; cư trú tại số X đường Y, phường L, quận L, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị D; cư trú tại thôn M, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị D kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 20 tháng 10 năm 2016. Sau khi kết hôn, do anh và chị Lê Thị D không làm việc gần nhau nên vợ chồng chung sống lúc thì ở Thái Bình, lúc thì ở Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không

hợp nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nên mặc dù vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến tháng 02 năm 2019 thì quay lại đoàn tụ, chung sống cùng nhau nhưng chỉ được đến tháng 06 năm 2019 vợ chồng lại sống ly thân với nhau; từ đó đến nay không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay anh Nguyễn Văn Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Đỗ Q - sinh ngày 14 tháng 5 năm 2017 và Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 10 tháng 11 năm 2019; các con chung hiện do chị Lê Thị D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh Nguyễn Văn Q đề nghị Tòa án giao con chung cho Nguyễn Đỗ Q cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Mạnh T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Q thay đổi quan điểm, đề nghị được nuôi cả hai con chung.

*Tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị D trình bày:*

Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nơi chung sống của vợ chồng như anh Nguyễn Văn Q trình bày là đúng. Quá trình chung sống, hai người đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên hai người đã sống ly thân, không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay anh Nguyễn Văn Q xin ly hôn, chị Lê Thị D thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh Nguyễn Văn Q đã trình bày là đúng; các con chung hiện do chị Lê Thị D nuôi dưỡng. Ly hôn, chị Lê Thị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và anh Nguyễn Văn Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị 1.500.000đồng/cháu/tháng. Trường hợp mỗi người nuôi một con chung thì việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do chị và anh Nguyễn Văn Q tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ly hôn, chị Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị D; về con chung, giao các con chung Nguyễn Đỗ Q - sinh ngày 14 tháng 5 năm 2017 và Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 10 tháng 11 năm 2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị D 1.500.000 đồng/cháu/tháng; thời hạn nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q, chị Lê Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị D kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 20 tháng 10 năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị D.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị D có 02 con chung Nguyễn Đỗ Q - sinh ngày 14 tháng 5 năm 2017 và Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 10 tháng 11 năm 2019; các con chung hiện do chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị D đều có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ nên giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo con chung được nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất; cả anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị D hiện đều là công nhân, có thu nhập ổn định, con chung Nguyễn Mạnh T chưa đủ 36 tháng tuổi nên để đảm bảo quyền được trực tiếp nuôi dạy con chung của các đương sự cần giao con chung Nguyễn Đỗ Q cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Mạnh T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị Lê Thị D cho rằng, anh Nguyễn Văn Q đang phải đi thuê nhà trọ nên không có đủ điều kiện nuôi con là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Ly hôn anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị D đều có quan điểm trường hợp mỗi người nuôi một con thì việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do các bên đương sự tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét quan điểm của các đương sự đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận; Tòa án không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q, chị Lê Thị D thuận tình ly hôn nên mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị D.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đỗ Q - sinh ngày 14 tháng 5 năm 2017 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 10 tháng 11 năm 2019 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tạm thời không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Anh Nguyễn Văn Q đã nộp số tiền 300.000

đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0013220 ngày 23 tháng 6 năm 2021) nên trả lại cho anh Nguyễn Văn Q 225.000 đồng.

Chị Lê Thị D phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước

Nguyên đơn, bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (ĐKKH: Số 31/2016);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Duy Thạch**